TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-10-2018
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Điệp;

2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 460/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 177/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thùy L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp 3, xã BS, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp 3, xã BS, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2018; biên bản hòa giải ngày 10/9/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm chị Trần Thị Thùy L là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L, anh T kết hôn vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BS, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc và có 02 chung. Khoảng hơn 01 năm nay vợ chồng bắt đầu có nhiều mâu thuẫn, cự cãi, bất đồng ý kiến. Vợ chồng đều đi làm để lo cho kinh tế gia đình nhưng anh T ghen tuông vô cớ, nghe lời người ngoài, chị L giải thích nhưng anh T

không nghe. Mâu thuẫn kéo dài làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Chị L có gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng chị rút đơn khởi kiện để cho anh T cơ hội sửa đổi nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị L, anh T đã ly thân nhau hơn 02 năm nay. Sau khi ly thân có gàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Văn T.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị L, anh T có 02 con chung tên Bùi Thị Hiếu Hoa, sinh ngày 12/7/2007 và Bùi Thị Hiếu Mai, sinh ngày 09/3/2013. Hiện nay, con chung đang sống với anh T. Khi ly hôn chị L đồng ý giao 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị L đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 10/9/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Bùi Văn T là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T thừa nhận thời gian vợ chồng chung sống và có đăng ký kết hôn như chị L trình bày. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là có thật, nguyên nhân là do chị L có mối quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài. Anh T sẵn sàng tha thứ cho chị L để vợ chồng hàn gắn tình cảm cùng nuôi dạy con nên anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh T, chị L có 02 con chung tên Bùi Thị Hiếu Hoa, sinh ngày 12/7/2007 và Bùi Thị Hiếu Mai, sinh ngày 09/3/2013. Hiện nay con chung đang sống với anh T. Khi ly hôn anh T yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Trần Thị Thùy L có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Văn T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"*.

Anh Bùi Văn T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ấp 3, xã BS, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố

tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử nhận định: Chị L, anh T kết hôn vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn ngày 23/7/2007 tại UBND xã BS, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, do đó hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Chị L cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh T ghen tuông vô cớ và đánh đập chị L. Chị L, anh T đã ly thân nhau hơn 02 năm nay. Sau khi ly thân có tiền hành hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Anh T thừa nhận đời sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị L sống chung với người đàn ông khác bên ngoài. Tuy nhiên, anh T đồng ý tha thứ cho chị L để vợ chồng đoàn tụ nuôi con nên anh T không đồng ý ly hôn, nhưng anh T không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

- Về con chung: Chị L và anh T thỏa thuận như sau:

Anh Bùi Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Bùi Thị Hiếu Hoa, sinh ngày 12/7/2007 và Bùi Thị Hiếu Mai, sinh ngày 09/3/2013. Chị L đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng, mỗi con chung bằng số tiền ½ tháng lương cơ sở tương ứng với thời gian thi hành án, thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 10/2018 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai số 0000589 ngày 25/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị L còn phải nộp tiếp 300.000 đồng tiền án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thùy L.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy L được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Chị L và anh T thỏa thuận như sau:

Anh Bùi Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Bùi Thị Hiếu Hoa, sinh ngày 12/7/2007 và Bùi Thị Hiếu Mai, sinh ngày 09/3/2013. Chị L đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng, mỗi con chung bằng số tiền ½ tháng lương cơ sở tương ứng với thời gian thi hành án, thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 10/2018 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Về án phí: Chị Trần Thị Thùy L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai số 0000589 ngày 25/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị L còn phải nộp tiếp 300.000 đồng tiền án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Hữu Hà